



## Bài báo nghiên cứu

# LÍ NAM BỘ TRONG QUAN HỆ VỚI TÍNH CÁCH VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA ĐẠI CHÚNG Ở NAM BỘ

*Trần Duy Khương*

*Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Trần Duy Khương – Email: [khuongtd@tdmu.edu.vn](mailto:khuongtd@tdmu.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 07-6-2024, ngày nhận bài sửa: 17-6-2024; ngày duyệt đăng: 23-10-2024*

### TÓM TẮT

Lí Nam Bộ là thể loại âm nhạc dân gian được theo chân những nhóm người Việt từ lúc bắt đầu di dân đi khai phá vùng đất phương Nam. Trong suốt chiều dài hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ, lí vẫn luôn là một bộ phận không thể tách rời trong đời sống văn hóa của người Việt nơi đây. Tuy nhiên, cùng với nhiều sự thay đổi trong thời kì hiện nay, lí Nam Bộ cũng có những sự thay đổi nhất định. Từ hướng tiếp cận của văn hóa đại chúng, bài viết chỉ ra rằng: 1) Lí Nam Bộ tồn tại với tư cách là một hình thức nghệ thuật mang tính đại diện cho tính cách văn hóa Nam Bộ; 2) Sự thay đổi ở lí Nam Bộ hiện nay phản ánh sự thay đổi về môi trường sinh hoạt và bản thân của người Việt ở Nam Bộ; 3) Việc giữ gìn và phát huy lí Nam Bộ cần gắn liền với việc đại chúng hóa trong đời sống hiện đại.

**Từ khóa:** tính cách văn hóa; lí; văn hóa đại chúng; Nam Bộ; người Việt

### 1. Giới thiệu

Âm nhạc có vai trò rất lớn trong đời sống của con người. Nó thực hiện các chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí cho con người một cách nổi bật. Trong đó, âm nhạc dân gian được xem là sản phẩm tập thể của một cộng đồng, một dân tộc; do vậy, nó thể hiện các chức năng này một cách rất rõ nét. Trong âm nhạc dân gian của người Việt, lí là một thể loại mang tính phổ biến cao, có số lượng phong phú với những làn điệu độc đáo, dễ nghe và dễ nhớ. Dù được xuất hiện ở cả Bắc Bộ, nhưng lí lại được phát triển mạnh ở Trung Bộ và Nam Bộ, đặc biệt là có vai trò rất lớn trong văn nghệ quần chúng ở Nam Bộ. Trong xã hội đương đại, lí là một trong những sản phẩm của văn hóa đại chúng, góp phần làm tăng độ nhận diện cho văn hóa Nam Bộ. Đặc biệt, lí nói riêng và các thể loại âm nhạc dân gian Nam Bộ nói chung còn là thành tố quan trọng trong kho tàng tài nguyên văn hóa, có thể dùng làm yếu tố kích thích sự phát triển của ngành Công nghiệp văn hóa ở nơi đây. Tuy nhiên, trong xu thế hiện đại hóa, các giá trị của văn hóa dân gian ngày càng trở nên bị lấn át bởi các hình thức giải trí mới mẻ. Do vậy, việc xác định lại vị trí của lí trong đời sống của người Việt ở Nam Bộ, từ đó đưa ra các hướng phát huy phù hợp, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành Công nghiệp văn hóa ở Nam Bộ là việc làm cần thiết.

*Cite this article as:* Tran Duy Khuong (2025). Li of Southern in relation to cultural character and popular culture in the Southern. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(1), 158-168.

Tuy vậy, cho đến hiện nay, âm nhạc dân gian Nam Bộ nói chung và điệu lí Nam Bộ nói riêng vẫn chưa được nghiên cứu sâu, thường chỉ được nhắc đến chung trong các công trình sưu tầm dân ca Việt Nam hoặc sâu hơn là dân ca Nam Bộ. Điển hình cho nhóm tài liệu này là sách chuyên khảo *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ* của Lưu Nhất Vũ (năm 1982) hoặc *Tìm hiểu dân ca Việt Nam* của Phạm Phúc Minh (năm 1994). Có một số bài viết nghiên cứu về Lí Nam Bộ trên các tạp chí nhưng số lượng còn khá khiêm tốn, đa phần chỉ được đề cập chung khi bàn về dân ca Nam Bộ. Điển hình cho nhóm tài liệu này là bài nghiên cứu *Đặc trưng nghệ thuật của dân ca Nam Bộ* của Lưu Nhất Vũ (Tạp chí *Nghiên cứu Nghệ thuật*, số 2/1983)... Các công trình nghiên cứu này cũng đã phần nào chỉ ra những đặc trưng của dân ca Nam Bộ nói chung, hoặc đã xác định vị trí của điệu lí trong dân ca Nam Bộ. Tuy nhiên, việc nhìn nhận vị trí của điệu lí trong đời sống cư dân Nam Bộ vẫn chưa được làm rõ dưới góc độ liên ngành.

Để thực hiện nghiên cứu bổ sung về điệu lí Nam Bộ, bài viết này tiếp cận vấn đề theo hướng nghiên cứu văn hóa đại chúng. Theo đó, chúng tôi chỉ ra giá trị của lí trong văn hóa Nam Bộ theo lí thuyết *ngôi nhà đại chúng* của Nachbar và Lause (1992, p.21). Về giới hạn ngữ liệu, chúng tôi chủ yếu sử dụng ngữ liệu lí Nam Bộ trong quyển *300 điệu lí Nam Bộ* của Lưu Nhất Vũ và Lê Giang (2002).

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái quát chung về “lí”

Theo nghĩa gốc, “lí” (俚) có nghĩa là thôn quê, quê mùa, vụng về. Khái niệm “lí” này tương ứng với 俚歌 (lí ca) trong tiếng Trung, có nghĩa là bài hát đồng quê, điệu hát nơi quê mùa. Trong âm nhạc dân gian của người Việt, lí là thể loại có khả năng phổ biến và thấm thấu rất sâu trong đời sống của quần chúng nhân dân. Về mặt hình thức, lí là điệu hát mà ca từ chính là những câu phong dao, ca dao được đệm lót thêm một số nhóm từ, cụm từ khá tối nghĩa nhưng lại rất cần để nhằm ngâm nga, đẩy đưa, hỗ trợ làn hơi, đồng thời nghệ nhân cũng hát xen những tiếng láy, điệp ngữ làm cho tiết điệu thêm mượt mà, khúc chiết, khi thì tình tứ thiết tha, khi thì buồn thảm náo nùng, khi thì nhẹ nhàng phấn khởi (K.D., 2011). Về nội dung, do lí vốn xuất thân từ các câu ca dao, mà ca dao lại phản ánh nhiều hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt đời thường, nói lên được những góc cạnh tình cảm trong cuộc sống, vì thế, nội dung ca từ trong các bài lí đều rất giản dị, có khi vô cùng dí dỏm nên rất được người bình dân ưa chuộng. Theo Phạm Thái Bình, lí xuất phát từ nguồn gốc lao động, không do bàn tay nghệ sĩ tạo nên mà chỉ là một hình thức nghệ thuật tự phát của quần chúng nhân dân, nên nó mang tình cảm của quần chúng nhân dân (Phạm, 2016). Trong khi đó, phần lớn người Nam Bộ có nguồn gốc bần nông từ các dòng di dân thời Trịnh Nguyễn phân tranh trở về sau, nên lí Nam Bộ càng có mối quan hệ mật thiết với tính cách văn hóa Nam Bộ và văn hóa đại chúng ở Nam Bộ.

### 2.2. Lí trong quan hệ với tính cách văn hóa Nam Bộ

Nhóm người Việt lưu tán ở vùng đất Nam Bộ vốn có xuất thân là người Việt ở khu vực sinh sống gốc (miền Bắc của Việt Nam hiện nay), nên vẫn luôn mang những nét đặc trưng vốn có của người Việt kiều thuần nông: trọng tình cảm, trọng mối quan hệ, ứng biến linh hoạt, sống hài hòa... (Tran, 2004, pp.37-46). Tuy nhiên, do chịu sự tác động của hàng loạt những nhân tố khác nhau mà các đặc trưng ấy đã được bổ sung hoặc biến đổi, tạo thành

một hệ thống các đặc trưng tính cách mới cho phù hợp với môi trường sống mới ở phương Nam. Theo đó, các nét tính cách mới của người Việt ở Nam Bộ dần dần được hình thành: tính thích ứng cao độ với môi trường sông nước (gọi tắt là tính sông nước), tính trọng nghĩa, tính bộc trực, tính bao dung, tính thiết thực và tính mở thoáng (Tran, 2013). Những nét tính cách này được phản ánh trên tất cả phương diện khác nhau trong cuộc sống, từ cách tổ chức cho đến cách ứng xử, trong đó có cả thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc (điển hình là tính giản dị, dễ hiểu, dễ gần trong các thể loại âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn truyền thống nơi đây, như lí, các bản vọng cổ, các vở cải lương, các bài hát thể loại bolero...).

Cùng với hò và nói thơ, lí là thể loại điển xướng dân gian phổ biến bậc nhất ở vùng đất Nam Bộ. Về vị trí của lí trong đời sống của người Nam Bộ, trong *Giáo trình hát, lí, hò An Nam*, Trương Vĩnh Ký có bàn gián tiếp qua việc giải thích câu tục ngữ “Nam lí, Bắc thơ, Huế hò” như sau: Người trong Nam (từ Đồng Nai ra tới Quảng Nam) thì hát lí hay hơn cả; còn ca, phú, thơ, vịnh thì người miền Bắc; còn về việc hò thì tại nơi kinh kì (Huế) (Nguyen, 2023). Sự phổ biến này có mối quan hệ mật thiết với tính cách văn hóa Nam Bộ.

Thứ nhất, *môi trường sông nước* màu mỡ, bao la đã dần dần trở thành môi trường sinh sống quen thuộc của di dân. Môi trường sông nước ấy đã nuôi dưỡng cho tôm cá sinh sôi, đồng thời kiến tạo nên những vườn cây ăn trái bạt ngàn, những cánh đồng lúa tươi tốt. Những loài thủy sản, những cây trái, những loài thực vật đặc hữu, những nhóm người và những hoạt động mưu sinh thường nhật gắn liền với môi trường sông nước này cứ thế đã khơi nguồn cảm hứng cho người dân nơi đây sáng tạo ra nhiều làn điệu lí mang nét đặc trưng riêng, mang đậm chất không gian văn hóa Nam Bộ. Đây là yếu tố cốt lõi, góp phần làm tăng độ nhận diện về văn hóa Nam Bộ. Trong khi lí Bắc Bộ thường gắn liền với mái đình, giếng nước, cây đa (và thường mang âm hưởng Quan họ), thì lí Nam Bộ lại vô cùng gần gũi, bình dị với con cua, con cúm nùm, con nhái; với cây bần, cây dừa, bông tràm; thậm chí là với những địa danh dân dã như Cái Mon, Ba Tri, Năm Căn... Những hình ảnh và tên gọi này góp phần tái hiện lại một cách sinh động về môi trường sinh thái và những hoạt động thường nhật của con người sống trên vùng sông nước phương Nam. Môi trường sông nước này góp phần tạo nên một đặc trưng nổi bật về nhạc điệu của lí Nam Bộ: nhẹ nhàng, luyến láy tình cảm, hiền hòa. Kết quả khảo sát cho thấy, trong 300 bài lí Nam Bộ, những bài lí Nam Bộ có tiêu đề đề cập đến chủ đề này (tuy nhiên, nội dung bên trong thường là đề cập đến tình cảm, cách đối nhân xử thế) chiếm số lượng nhiều nhất (với 101 bài, chiếm 33.7%), thể hiện rõ tình yêu quê hương xứ sở của di dân đối với vùng đất mới này (xem Phụ lục 1).

Thứ hai, vùng đất Nam Bộ ngày xưa chủ yếu là nơi tụ cư của những con người tha hương nghèo khổ, phải lưu tán trong cảnh màn trời chiếu đất, luôn phải đối mặt những vất vả rùng rợn của môi trường sông nước độc với cá sấu, rắn, cạp chực chờ. Vì thế, con người nơi đây lại bỏ qua tất cả những dị biệt mà đoàn kết với nhau, sống bằng nghị lực và bằng tình cảm thật sự. Đó chính là cơ sở quan trọng để hình thành *tinh thần trọng nghĩa* của người Nam Bộ. Có thể nói rằng, tính trọng nghĩa khí chính là sợi dây chỉ đạo xuyên suốt các mối quan hệ từ trong gia đình ra ngoài xã hội, từ người quen cho đến người xa lạ. Tiêu biểu cho tính cách này là các bài lí: *Lí mạ non, Lí bông tràm, Lí chim quỳên, Lí con cò, Lí con sam, Lí đất giồng, Lí*

*lưu lê, Lí con cóc, Lí áo vá quàng...* Trong đó, tình nghĩa vợ chồng là điều được nhắc đến nhiều nhất, như: “*Cóc chết nàng nhái mò côi bấy lâu. Chàng hiu nó bèn đi hỏi, nhái lắc đầu nàng lại chẳng ưng lắc đầu chẳng ưng*” (Lí con cóc). Cũng chính vì trọng tình cảm, nghĩa khí, nên lí Nam Bộ cũng có một số bài có nội dung chê trách người bất nhân, bội bạc, cũng như phê phán những kẻ xem nặng vật chất, lợi lộc. Tiêu biểu có các bài: *Lí con nhận, Lí con cưa, Lí com khô lí com cháy...* Trong đó, những bài lí phê phán người bất nghĩa bất nhân chiếm số lượng rất ít so với những bài ca ngợi tình cảm, nghĩa khí. Có thể thấy rằng, chính vì tính trọng nghĩa là nét tính cách quan trọng ở người Nam Bộ, nên trong 300 bài lí được khảo sát, có đến 89 bài liên quan đến nét tính cách này (29.6%), chiếm số lượng nhiều nhất so với số bài liên quan đến các đặc trưng tính cách khác (không kể tính sông nước, vì đó đã được xem là đặc trưng đủ, mang tính tất yếu).

Thứ ba, sống trong khoảng trời đất rộng tứ bề, không có một cánh cổng làng, một thành lũy tre làm dấu hiệu cho sự cách biệt giữa làng này với làng nọ như ở xứ Bắc, con người nơi đây cũng trở nên cởi mở, thẳng thắn hơn, dần dần, họ đã định hình nên **tính bộc trực**. Ngoài ra, theo nhận định của Trần Thuận, tính bộc trực này còn được xây dựng từ những con người “xuất thân phiêu bạt, giang hồ... nên có lối sống ‘dọc ngang nào biết trên đầu có ai’” (Tran, 2014, p.28). Có thể nói rằng, tính cách này được hình thành từ tính khí vốn có của những con người vốn ít chữ nghĩa, vì kẻ sinh nhai hoặc vì tù tội mà phải bỏ vùng đất Ngũ Quảng để vào Nam, tính cách này được bồi đắp thêm bởi môi trường sống hoang vu, mệnh mông cũng như lối sống cởi mở của văn hoá phương Tây trong quá trình Tây hóa ở Nam Bộ. Chính vì vậy, những tâm tư tình cảm của con người nơi đây hầu như không cần vay nhờ lời đưa đẩy, rào đón, cũng không kí thác vào những hình ảnh ẩn dụ, mà thường là bộc lộ trực tiếp. Tiêu biểu cho nhóm đề tài này là các bài: *Lí dứa tơ, Lí cây cám, Lí bướm bay, Lí cái tô, Lí cọt chồi...* Ví dụ như, nhìn giàn mướp mà tức cảnh sinh tình, chàng trai trong bài *Lí trái mướp* đã tỏ tình: “Chiều chiều gọt mướp cái nấu canh gọt mướp cái nấu canh. Thấy anh qua lợi lợi bỏ hành thơm mà cho thơm. Thấy anh qua lợi lợi bỏ hành thơm mà cho thơm. Bó nàng ơi có chồng chưa giúp tình thương”.

Thứ tư, vì sống trong môi trường mới đầy rẫy hiểm nguy, nên ngoài việc xem trọng tính cá nhân (do những người thoát li đất Ngũ Quảng đều là những con người ít chữ nghĩa nhưng chuộng tự do), thì cư dân nơi đây vẫn phải nương dựa vào nhau để sống. Chính vì thế, họ thường không câu nệ những điều không giống với mình, đồng thời dễ dàng chấp nhận những điều đó để cuộc sống trở nên có nhiều màu sắc hơn. Do vậy, người Nam Bộ phần lớn đều là những người sống **thoáng mở**, dễ dàng chấp nhận cái mới, không câu nệ, bảo thủ. Từ đây, cái tôi của mỗi người được phát huy mạnh mẽ, đặc biệt là trong quá trình xác lập vị thế nam – nữ bình đẳng ở vùng đất mới này. Chính vì thế, nam nữ đến với nhau một cách tự nhiên, và tình cảm này sẽ giúp vợ chồng gắn bó bền chặt với nhau: “*Trả ơn cái cửa cái cửa cửa đừng kêu. Anh có vô vô giao thiệp bạn anh vô. Trao lời thiệt hơn, bạn tứ quý lâu về chốn cũ lung tung bùng tá rập bung bung. Chun vô mừng chun lộn ra*” (*Lí cái cửa*). Đây cũng là tiền đề để cư dân nơi đây thường dễ dàng **bao dung** người khác. Trong lí Nam Bộ, hai đặc trưng thoáng mở và bao dung

này thường đi kèm nhau, thể hiện ra bằng các hình thức khác nhau. Tiêu biểu có các bài như sau: *Lí trái mướp, Lí cây bần, Lí mù u, Lí ba xa kéo chỉ, Lí cái cửa...*

Không chỉ vậy, do sống trong môi trường rộng mở, thành phần cư dân ở đây hầu hết là những nhóm người nghèo khó, hoặc là tù tội, hoặc là binh lính (với các nhóm người Khmer từ Lục Chân Lạp xuống, nhóm người Việt từ vùng Thuận Quảng vượt qua dải đất hẹp ven biển mà vào, nhóm người Hoa từ vùng Hoa Nam lưu vong sang, nhóm người Chăm từ các quốc gia khác tị nạn trở về), nên ngay từ những buổi sinh cơ lập nghiệp ban đầu, người Nam Bộ vẫn chưa có một sự ổn định vững chắc thật sự. Cho nên, cuộc sống ngay trước mắt với cái ăn cái mặc hằng ngày vẫn là điều quan trọng nhất. **Tính thiết thực** bắt đầu từ đây, đồng thời còn được bồi đắp dần thêm khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây vào khoảng cuối thế kỉ XVII trở đi. Trong đời sống, tính thiết thực thể hiện qua nhiều hành động, tuy nhiên, do thông qua lăng kính lãng mạn của thơ ca dân gian, tính thiết thực trong các bài lí ở Nam Bộ thường chỉ thể hiện ra bằng một số tình tiết ước lệ. Tiêu biểu cho chủ đề này là các bài lí: *Lí cây khế, Lí cây chanh, Lí trái bắp, Lí trồng hường, Lí ăn giỗ...* Ví dụ như, trong khi tính trọng sĩ diện là đặc trưng văn hóa nổi bật của miền Bắc, thì người Nam Bộ lại xem trọng tính tiện lợi, như khi đi đám giỗ, người ta có thể mang bánh trái về cho con cái: “Anh đi ăn giỗ rường ó ó ru hời ăn giỗ ăn giỗ nhà nghèo ăn giỗ ăn giỗ nhà nghèo. Bánh ít lặn lưng rường ó ó ru hời. Đem về đem về cho con đem về đem về cho con” (*Lí bánh ít*).

Chi tiết về các bài lí Nam Bộ phản ánh các đặc trưng nổi bật của người Nam Bộ (tính trọng nghĩa, tính bộc trực, tính thoáng mở và bao dung, tính thiết thực) sẽ được trình bày trong Phụ lục 2.

### 2.3. *Lí trong quan hệ với văn hóa đại chúng ở Nam Bộ*

Theo Lu Nhất Vũ và Lê Giang, điều lí đã “thể hiện sâu sát đề tài và nội dung của mọi khía cạnh, mọi hiện tượng của con người, của thiên nhiên, của sự việc và sự vật trong đời sống, phản ánh bối cảnh xã hội đương thời” (Lu & Le, 1983, p.75). Từ mô hình ngôi nhà Văn hoá đại chúng do John G. Jachbar và Kevin Lause phác thảo (Jachbar & Lause, 1992, p.22) gồm tầng sự kiện (event), tầng sản phẩm (artifact) và tầng nền tảng (cultural mindset, đây là tầng quan trọng nhất, nó quyết định nên sự công nhận của cộng đồng dành cho một sản phẩm văn hóa đại chúng nào đó), chúng ta có thể nhận thấy rằng, lí là một thể loại nghệ thuật mang tính đại chúng rất cao.

Thứ nhất, xét về **tầng sự kiện**, tuy điều lí Nam Bộ hầu như không được tổ chức biểu diễn trên sân khấu một cách chính quy như Đờn ca tài tử và Cải lương, nhưng nó vẫn là yếu tố quan trọng được sử dụng trong Đờn ca tài tử và Cải lương. So với 21 bài bản Tổ trong Đờn ca tài tử, lí là hình thức dễ trình diễn hơn. Đó là vì ca từ ở các bài lí thường rất đơn giản dễ hiểu, nhịp điệu thường là nhịp chẵn, nhạc lí không quá phức tạp nhưng giai điệu lại mượt mà, truyền cảm, do vậy, khi tổ chức biểu diễn Đờn ca tài tử, các bài lí Nam Bộ (như *Lí chiêu chiêu, Lí con sáo, Lí Mù u, Lí tòng quân, Lí Năm Căn...*) vẫn có thể đường hoàng xuất hiện chung với các bài bản văn. Đặc biệt, trong các game show ở các đài truyền hình các tỉnh miền Tây (như *Tài tử miệt vườn, Gia đình tài tử...*), người ta thường chọn các bài lí Nam Bộ để minh họa hoạt cảnh hoặc mượn điệu và sửa lời để trình bày chính thức trong các kịch

bản dự thi. Cũng có khi, lí được lồng ghép trong các bộ phim truyền hình Nam Bộ (điển hình là phim truyền hình *Đất phương Nam*) để làm tăng độ thân thuộc, gần gũi với công chúng.

Thứ hai, ở **tầng tác phẩm**, tuy thể loại lí không thuộc dạng các sáng tác mới được bảo hộ bản quyền, khó xác định tác giả, cũng như hầu hết đều không được phát hành một cách rộng rãi đến công chúng như các sản phẩm âm nhạc hiện đại, nhưng điệu lí Nam Bộ vẫn thực hiện được sự kết nối cộng đồng và được quần chúng biết đến rộng rãi. Đó chính là vì nó phản ánh chi tiết các góc cạnh của cuộc sống hiện thực vùng đất Nam Bộ, nên cư dân nơi đây đều cảm thấy rất quen thuộc, không thuộc nhiều thì cũng thuộc ít, và cũng có thể hát lên một hai bài lí. Hơn nữa, những bài lí này không chỉ được trình diễn trên sân khấu, mà nó vốn được truyền khẩu rộng rãi trong dân gian bằng cách xuất hiện trong những buổi lao động, và nhất là trong những buổi trưa khi các bà các mẹ ru con ngủ (vì kiểu ru con ở Nam Bộ không chỉ giới hạn là những bài ru, mà có thể là những câu hò, những bài nói thơ, những bài bolero và tất nhiên là có những bài lí). Điều đó có nghĩa là, những bài hát lí chính là những sản phẩm tiêu biểu của văn hóa đại chúng Nam Bộ.

Thứ ba, ở **tầng nền tảng**, lí là tiếng lòng của người dân Nam Bộ chính ngay trong cuộc sống của họ: yêu thương, tự hào, tinh nghịch, hóm hỉnh, yêu đời, u buồn, trăn trở... Ở tầng nền tảng này, thông qua những hoạt động trình diễn trong lúc lao động, trong lúc ru em, trong hội hè hiếu hỷ, trong hoạt động giải trí dân gian (như Đờn ca tài tử) và hiện nay là trên các phương tiện truyền thông hiện đại, điệu lí đã thực hiện được khả năng cộng hưởng tâm thức cộng đồng ở cư dân Nam Bộ. Những điệu lí Nam Bộ này gợi nhớ cho người dân nơi đây về một thời kỳ những đoàn người Việt vào phương Nam khai hoang lập ấp, cũng như những dấu ấn trong thời kỳ người Nam Bộ xây dựng cuộc sống mới.

Theo Nguyễn Phan Quang và Võ Xuân Đàn, việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ được bắt đầu từ sự phân liệt Nam - Bắc triều và phân liệt Trịnh - Nguyễn. Trong suốt thời kì các đời chúa Nguyễn và tiếp tục với các giai đoạn đầu thời nhà Nguyễn, những nhóm người Việt khác nhau có nguồn gốc từ vùng Ngũ Quảng và một vài nơi ở khu vực phía Bắc (bao gồm nhóm tá điền không có ruộng đất, nhóm quân sĩ của nhà Nguyễn, nhóm tù binh trong các trận giao tranh bị các chúa Nguyễn bắt đày, nhóm anh hùng và thành phần trí thức bất mãn với thời thế...) đã cùng nhau vượt qua vùng đất xưa vốn là vương quốc Champa để khai phá đất hoang ở phương Nam (Nguyễn & Vo, 2011, p.208-231). Họ cộng cư với người Khmer, người Hoa, người Chăm và trải qua quá trình Tây hoá mạnh mẽ từ giữa thế kỷ XIX, từ đó, họ đã tạo dựng nên một diện mạo văn hoá riêng ở vùng đất Nam Bộ: văn hoá của những con người *lưu tán*, tức là văn hoá của nhóm người *giang hồ tứ chiếng* (四正江湖). Trong đó, nhóm người Việt chiếm số lượng đông đảo và có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình định hình và phát triển vùng đất Nam Bộ trong khoảng bốn trăm năm nay.

Vào thời kì đầu mở đất mở làng, những nhóm di dân này luôn hoài vọng về vùng đất cũ (chủ yếu là vùng Ngũ Quảng). Vì vậy, những hình ảnh quen thuộc vốn xuất hiện trong nền văn hóa gốc lại được xuất hiện các bài lí ở Nam Bộ: *Lí con sáo*, *Lí quy phụng*, *Lí ngựa ô*, *Lí vọng phu*... Tuy nhiên, sau khi được sống thuận lợi trên vùng đất mới này, những sự vật hiện tượng mới, những địa danh mới dần dần được xuất hiện một cách tự nhiên trong các

bài: *Lí Năm Căn, Lí Cái Mơn, Lí bông trà, Lí con cúm núm...* Và lâu ngày sống trên vùng đất mới, các phong tục tập quán và những hoạt động mưu sinh mới được định hình, chúng nhanh chóng được lưu giữ lại trong các điệu: *Lí cổng chùa, Lí cây khế, Lí đờng đệm, Lí đất giồng...* Theo đó, tâm tư tình cảm của những con người mới này được ký thác vào hàng loạt những bài lí mang đậm tính cách văn hóa Nam Bộ, như: *Lí con cua, Lí con cóc, Lí cây ổi, Lí trái mướp, Lí giao duyên...* Có thể nói, hầu hết các phương diện trong đời sống ở Nam Bộ đều được thể hiện qua các bài lí Nam Bộ.

Chính từ những lẽ đó, điệu lí đã thực hiện được sứ mệnh của một sản phẩm văn hóa đại chúng, góp phần làm tăng độ nhận diện về văn hóa Nam Bộ bên cạnh cách các biểu tượng văn hóa khác của Nam Bộ.

#### **2.4. Sự thay đổi ở điệu lí Nam Bộ hiện nay và việc định hướng phát huy lí Nam Bộ**

Do chịu sự tác động lớn từ sự giao lưu văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, nhiều giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam hiện nay đã dần dần thay đổi. Đờn ca tài tử, Sân khấu Cải lương, hò, nói thơ hiện đang bị mất đi sức hút vốn có, tương tự, điệu lí Nam Bộ cũng gặp nhiều hạn chế trong việc phổ biến trong công chúng. Nếu các sản phẩm âm nhạc hiện đại (nhạc pop, R&B, RAP...) được hỗ trợ bởi các nhạc khí hiện đại, kỹ thuật phòng thu tiên bộ, được các ca sĩ chuyên nghiệp nổi tiếng trình bày, được quảng bá mạnh mẽ thì lí Nam Bộ hầu như được xuất hiện rất ít trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Hơn nữa, các bài lí khi xuất hiện trên các chương trình giải trí thì hầu hết nội dung ca từ gốc đều được thay bằng lời mới cho phù hợp với nội dung kịch bản (tức là hiện tượng cover lại từ giai điệu có sẵn). Những người biết và có thể hát lí Nam Bộ ngày càng trở nên ít đi, và hiện nay rất nhiều thanh niên không biết đến các điệu lí nói chung và lí Nam Bộ nói riêng. Tuy đây là xu hướng tất yếu trong thời đại hiện nay khi mà các thể loại giải trí mới đã ngày càng phong phú và cùng lúc đáp ứng nhiều nhu cầu cho công chúng, cũng như điều kiện sống của người Nam Bộ hiện nay đã dần dần thay đổi theo hướng hiện đại hóa, nhưng với những giá trị đã được định hình trong thời gian dài, lí Nam Bộ vẫn rất cần được quảng bá và phục hưng bằng nhiều phương thức khác nhau.

Thứ nhất, trong thời gian hiện nay, những trích đoạn cải lương nổi tiếng, những bản Vọng cổ đặc sắc (đặc biệt là Tân cổ giao duyên) đã được phục dựng lại trong các chương trình truyền hình khu vực Nam Bộ (như *Chuông vàng vọng cổ, Đường đến danh ca vọng cổ, Tài tử miệt vườn, Học viện Cải lương...*). Những chương trình truyền hình này đã trực tiếp đưa Đờn ca tài tử và Cải lương đến gần hơn với công chúng. Trong khi đó, lí Nam Bộ là một bộ phận rất quan trọng của Đờn ca tài tử và Cải lương, tuy khó có thể tổ chức thành các chương trình truyền hình riêng, nhưng vẫn có thể thiết kế thành các chuyên đề ở các vòng thi, từ đó giúp lí Nam Bộ có thể được quảng bá nhiều hơn nữa.

Thứ hai, Đờn ca tài tử hiện vẫn là điểm nhấn quan trọng cho các tour du lịch Tây Nam Bộ, giúp du khách khắp nơi có thể hiểu biết thêm về các bài bản nổi tiếng này. Tuy nhiên, việc thưởng thức này thường diễn ra trong thời gian khá ngắn, lí Nam Bộ ít có cơ hội được xuất hiện bên cạnh các bài bản chính của Đờn ca tài tử. Do vậy, để du khách có thể tích cực

hòa mình trong làn điệu lí Nam Bộ thì hướng dẫn viên cần thiết kể thêm nhiều trò chơi trên xe có liên quan đến lí Nam Bộ.

Thứ ba, lí Nam Bộ là một bộ phận quan trọng trong văn học dân gian, do vậy, trong chương trình Ngữ văn phổ thông (và chương trình đào tạo cử nhân Văn học), cần đẩy mạnh hình thức thực hành diễn xướng dân gian, trong đó có thực hành hát lí. Đặc biệt, cần lồng ghép nội dung về lí Nam Bộ vào các học phần về *Tài nguyên Văn hóa Việt Nam, Văn hóa Nam Bộ...* trong các chương trình đào tạo về Du lịch, Văn hóa.

Thứ tư, các nghệ sĩ, ca sĩ có thể mạnh dạn thử nghiệm kết hợp nhạc hiện đại với dân ca nhiều hơn, nhất là kết hợp với lí Nam Bộ. Đây là một hướng đi rất có tiềm năng vì thực tế cho thấy việc kết hợp này là có hiệu quả rất lớn. Bài hát *Về nghe mẹ ru* (tác giả Hứa Kim Tuyền) chính là tác phẩm kết hợp kiểu này (kết hợp giữa nhạc R&B, trữ tình, Rap, điệu *Lí con sáo* và một câu *Vọng cổ*), bài hát đã trở thành hiện tượng nổi bật trong năm 2022 (đạt giải MMA Smarties, TikTok Awards Việt Nam, Làn Sóng Xanh). Trong đó, những câu hát ngọt ngào theo điệu *Lí con sáo* trở thành điểm nhấn xuất sắc của bài hát: “Ai đó từ nơi xa nhớ về quê thăm bến đò năm xưa. Lũy tre đầu làng bờ lao xanh xanh thấm giọt mưa...”. Một sản phẩm âm nhạc nổi tiếng khác có sự kết hợp khéo léo như thế trong thời gian vừa qua là *Sao trời còn gió* của Hồ Phi Nal. Điệu *Lí chiều chiều* ở đoạn điệp khúc với những câu: “Trời làm hai đứa xa rời nhau. Thương làm sao, tóc xanh phai màu năm tháng, gả em ở bên ai rồi. Đau đốn đau trong lòng, sông xuôi dòng tìm em ở đâu. Nỗi đau anh giữ trong lòng” đã thật sự làm tổng thể bài hát trở nên có chiều sâu hơn, giúp bài hát lan tỏa được rộng khắp hơn.

### 3. Kết luận

Lí là thể loại dân ca phổ biến ở vùng đất Nam Bộ từ suốt thời kì khai hoang cho đến nay. Trong suốt bốn trăm năm với nhiều biến đổi, điệu lí ở Nam Bộ được nảy sinh, bảo lưu và thay đổi cho phù hợp với điều kiện sống mới. Trước khi Việt Nam hội nhập văn hóa mạnh mẽ trong khoảng ba mươi năm nay, dân ca nói chung và lí nói riêng luôn được người dân Nam Bộ yêu thích vì nó phản ánh hầu hết những ngõ ngách trong tâm tư tình cảm của người dân.

Cùng với sự thay đổi ngày càng nhanh chóng của đời sống hiện đại, các hình thức giải trí mới dần dần xuất hiện để đáp ứng các nhu cầu nghe nhìn ngày càng đa dạng của công chúng, các thể loại dân ca ngày càng trở nên kén người nghe, và tất nhiên là càng ít có người thực hành biểu diễn, chủ yếu là ở những vùng làng quê và ở những người tuổi trung lão niên. Chính vì vậy, để phát huy những giá trị của điệu lí Nam Bộ, chúng ta cần phải có kế hoạch lồng ghép nó vào các chương trình truyền thông giải trí, cũng như đưa vào các tour du lịch và chương trình giáo dục đào tạo. Đồng thời, ngoài tài liệu sách giấy ra (như các công trình sưu tầm và kí âm của Lư Nhất Vũ và Lê Giang), các đơn vị truyền thông cũng cần thiết lập các kênh chia sẻ các bài lí Nam Bộ để nhiều người cùng biết đến lí Nam Bộ nhiều hơn.

### TƯ LIỆU KHẢO SÁT

Le, G. & Lu, N. V. (2002). *300 điệu lí Nam Bộ [300 Li tunes of Southern]*. Tre Publishing House.



❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Jachbar, J. G. & Lause, K. (1992). *Popular Culture - An Introductory Text*. Popular Press.
- K.D. (2011). *Hat li va nhung dieu li de thuong cua Nam Bo [Li singing and cute Li songs of the Southern]*. <https://s.net.vn/XnEP>
- Lu, N. V. & Le, G. (1983). *Tim hieu dan ca Nam Bo (chuyen khao) [Learn about Southern folk songs (monograph)]*. Ho Chi Minh City Publishing House.
- Lu, N. V. (1983). *Dac trung nghe thuat cua dan ca Nam Bo [Art Research Journal]*, 2/1983.
- Nguyen, H. T. (2023). *Oi Li con sao, oi Li hoai xuan [Oh Li of Starling, Oh Li of Miss Spring]*. *Song Huong Journal*, 411/05.
- Nguyen, P. Q. & Vo, X. D. (2011). *Lich su Viet Nam tu nguon goc den nam 1884 [Vietnamese history from its origins to 1884]*. General Publishing House.
- Pham, P. M. (1994). *Tim hieu dan ca Nam Bo [Learn about Southern folk songs]*. Music Publishing House.
- Pham, T. B. (2016). *Li Nam Bo: Vien ngọc quý trong kho tàng dân ca Việt Nam [Li of Southern: A precious gem in the treasure trove of Vietnamese folk songs]*. <https://s.net.vn/STgz>
- Tran, N. T. (2004). *Tim ve ban sac van hoa Viet Nam [Find about Vietnamese cultural identity]*. General Publishing House.
- Tran, N. T. (2013). *Van hoa nguoi Viet vung Tay Nam Bo [Vietnamese culture in the Southwest region]*. Arts Publishing House.
- Tran, T. (2014). *Nam Bo: vai net lich su - van hoa [The Southern: some historical and cultural features]*. Culture and Arts Publishing House.

### LI OF SOUTHERN IN RELATION TO CULTURAL CHARACTER AND POPULAR CULTURE IN THE SOUTHERN

**Tran Duy Khuong**

*Thu Dau Mot University, Vietnam*

*Corresponding author: Tran Duy Khuong – Email: khuongtd@tdmu.edu.vn*

*Received: June 07, 2024; Revised: June 17, 2024; Accepted: October 23, 2024*

#### ABSTRACT

*Li of Southern is a folk song genre that emerged alongside the migration of Vietnamese communities to the Southern region. Throughout the region's formation and development, Li has remained an integral part of local cultural life. However, as societal changes unfold, Li of Southern also has undergone certain changes. Through the lens of popular culture, this article explores three key aspects: 1) Li of Southern as an artistic form representing the cultural identity of the Southern region; 2) how its evolution reflects shifts in the living environment and character of Southern communities; 3) the necessity of preserving and promoting Li of Southern in alignment with contemporary cultural dissemination efforts.*

**Keywords:** cultural personality; Li; popular culture; Southern; Vietnamese

**PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC BÀI LÍ NAM BỘ TRONG “300 ĐIỀU LÍ NAM BỘ”  
CÓ TIÊU ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG SÔNG NƯỚC**

STT	Tiêu đề	STT	Tiêu đề
1	Lí rẫy lí vườn	29	Lí con sáo (10 bài)
2	Lí cây ổi (7 bài)	30	Lí quạ kêu (3 bài)
3	Lí cây bưởi (2 bài)	31	Lí con trâu
4	Lí cây khế (2 bài)	32	Lí bắt ốc
5	Lí cây chanh (2 bài)	33	Lí con cá
6	Lí cây ớt	34	Lí con cá trê (3 bài)
7	Lí trái mướp (2 bài)	35	Lí con cá lí – ngư (2 bài)
8	Lí dây bầu	36	Lí con cua (9 bài)
9	Lí trái bắp	37	Lí bắt cua
10	Lí bắp non	38	Lí bắt lươn
11	Lí mạ non	39	Lí con cóc (4 bài)
12	Lí dừa tơ	40	Lí cóc kêu
13	Lí bụi bưởi	41	Lí con nhái
14	Lí cây đuối	42	Lí cột chài (2 bài)
15	Lí cây bần	43	Lí đất giồng
16	Lí mù u (2 bài)	44	Lí cái phảng (4 bài)
17	Lí cây quèo	45	Lí bờ đắp (3 bài)
18	Lí bông gòn	46	Lí đắp bờ
19	Lí cây xanh	47	Lí bờ thẳng
20	Lí cây bông (4 bài)	48	Lí qua vàm
21	Lí bông đậu	49	Lí cầu tràm
22	Lí bông sen	50	Lí cầu dừa
23	Lí bông súng	51	Lí nước ròng
24	Lí bông tràm	52	Lí ghe lê
25	Lí trồng hường	53	Lí vãi chài
26	Lí che hường	54	Lí kéo chài
27	Lí con bìm bịp	55	Lí Cái Môn
28	Lí con cúm nùm	56	Lí Ba Tri

**Tổng: 101 bài**

**PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BÀI LÍ NAM BỘ THEO MỐI QUAN HỆ VỚI TÍNH TRỌNG  
NGHĨA, TÍNH BỘC TRỰC, TÍNH THIẾT THỰC, TÍNH THOÁNG MỎ VÀ BAO DUNG**

(Xác định theo ý nghĩa trọng tâm của bài lí)

STT	Tiêu đề	STT	Tiêu đề
<b>I. Lí Nam Bộ trong quan hệ với tính trọng nghĩa</b>			
1	Lí cây khế ( <i>trang 19</i> )	32	Lí bánh canh
2	Lí mạ non	33	Lí com khô lí com cháy
3	Lí bụi chuối	34	Lí dầu dừa
4	Lí cây đuối	35	Lí mâm thau
5	Lí bông tràm	36	Lí cái áo ( <i>trang 196</i> )
6	Lí lựu lê (2 bài)	37	Lí áo vá quàng
7	Lí trồng hành (2 bài)	38	Lí đất giồng
8	Lí trồng chuối	39	Lí cây ( <i>trang 211</i> )
9	Lí chẻ tre (3 bài)	40	Lí thanh trực (3 bài)
10	Lí chim quyên (2 bài)	41	Lí bờ đắp (2 bài, <i>trang 227, 228</i> )
11	Lí chim chuyền (2 bài)	42	Lí đắp bờ
12	Lí chim chiều	43	Lí vọng phu (4 bài)

13	Lí chim thẳng chài	44	Lí đầu cầu
14	Lí con nhạn	45	Lí hò xừ xang
15	Lí con cò ( <i>trang 80</i> )	46	Lí xang xé xang
16	Lí con kết	47	Lí xự công xề
17	Lí con bìm bịp	48	Lí qua cầu
18	Lí con sáo (10 bài)	49	Lí bốn mùa
19	Lí tăng quạ	50	Lí chuồn chuồn
20	Lí quạ kêu (3 bài)	51	Lí chiều chiều
21	Lí con rồng ( <i>trang 107</i> )	52	Lí giao duyên
22	Lí con thần lặn (2 bài)	53	Lí nam xuân
23	Lí con nhện	54	Lí lu là ( <i>trang 304</i> )
24	Lí con rắn mối	55	Lí băng rù
25	Lí con gà (2 bài)	56	Lí khoan hó khoan
26	Lí con vịt	57	Lí í á
27	Lí ngựa ô ( <i>trang 141</i> )	58	Lí giọng ứ
28	Lí con cua ( <i>trang 163</i> )	59	Lí giọng bóng (2 bài, <i>trang 333, 334</i> )
29	Lí con sam	60	Lí Cái Mơn
30	Lí con cóc ( <i>trang 167</i> )	61	Lí Ba Tri
31	Lí bánh bò (3 bài)		

**Tổng: 89 bài**

**II. Lí Nam Bộ trong quan hệ với tính bực trực**

1	Lí dây bầu	9	Lí tăng ruộng
2	Lí dừa tơ	10	Lí đắp bờ
3	Lí cây cám	11	Lí ông thôn
4	Lí bướm bay	12	Lí chú cai thô
5	Lí con cóc ( <i>trang 170</i> )	13	Lí bập boong boong
6	Lí cái tô	14	Lí miếu lí đình
7	Lí cái áo ( <i>trang 198</i> )	15	Lí cầu dừa
8	Lí cột chài (2 bài)		

**Tổng: 16 bài**

**III. Lí Nam Bộ trong quan hệ với tính thiết thực**

1	Lí cây khế ( <i>trang 19</i> )	5	Lí che hường
2	Lí cây chanh (2 bài)	6	Lí đưng đệm ( <i>trang 68</i> )
3	Lí trái bắp	7	Lí ăn giỗ
4	Lí trồng hường	8	Lí kéo chài

**Tổng: 9 bài**

**IV. Lí Nam Bộ trong quan hệ với tính bao dung và mở thoáng**

1	Lí trái mướp ( <i>trang 24</i> )	5	Lí ba xa kéo chỉ
2	Lí cây bần	6	Lí cái cửa
3	Lí mù u ( <i>trang 35</i> )	7	Lí dạng ai
4	Lí con cóc ( <i>trang 16</i> )		

**Tổng: 7 bài**

**V. Lí Nam Bộ có nội dung không bao hàm nét đặc trưng tính cách hoặc không rõ nghĩa: các bài còn lại**